

Số: 297/2022/QĐST-HNGĐ

B, ngày 02 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 2179/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1979.

- **Bị đơn:** Ông Bùi Văn P, sinh năm 1966.

Cùng trú tại: 66Đ/5, khu phố 9, phường Tân B, thành phố B, tỉnh D.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 và 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 57, 81, 82, 83, 84, 110 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Ngọc Đ và ông Bùi Văn P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc Đ và ông Bùi Văn P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Gia B, sinh ngày 19/9/2006 và cháu Bùi Minh N, sinh ngày 01/8/2009 cho bà Nguyễn Ngọc Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Bùi Văn P cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng (mỗi con là 1.500.000đ/tháng) cho đến khi 02 con trưởng thành và có khả năng lao động. Đối với cháu Bùi Gia L, sinh năm 16/4/2000 và cháu Bùi Ngọc Kim P, sinh ngày 01/04/2002 nay đã trưởng thành nên bà Đ và ông P không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông P được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết, các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí HNGĐST: Bà Nguyễn Ngọc Đ tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí HGT và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Toàn bộ số tiền án phí HNGĐ – ST bà Đ tự nguyện nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0000684 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND TP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Lan Hương**